

Chuyên đề: Kỹ thuật sử dụng bất đẳng thức phụ để chứng minh bất đẳng thức

KỸ THUẬT SỬ DỤNG BẤT ĐẲNG THỨC PHỤ TRONG CHỨNG MINH BẤT ĐẲNG THỨC

GIÁO VIÊN: TH.S PHẠM VĂN QUÝ – 0943.911.606

1. MỘT SỐ BẤT ĐẲNG THỨC PHỤ THƯỜNG SỬ DỤNG

1) $a^2 + b^2 + c^2 \geq ab + bc + ca, \forall a, b, c \in \mathbb{R}.$	10) $\frac{a^n + b^n}{2} \geq \left(\frac{a+b}{2}\right)^n, \text{ với } \forall a, b \geq 0, n \in \mathbb{N}^*.$
2) $ab \leq \left(\frac{a+b}{2}\right)^2, \forall a, b \geq 0$	11) $a^2 + b^2 + c^2 \geq \frac{(a+b+c)^2}{3}, \forall a, b, c \in \mathbb{R}.$
3) $abc \leq \left(\frac{a+b+c}{3}\right)^3, \forall a, b, c \geq 0$	12) $(a+b+c)^2 \geq 3(ab+bc+ca), \forall a, b, c \in \mathbb{R}$
4) $(a+b)\left(\frac{1}{a} + \frac{1}{b}\right) \geq 4, \forall a, b > 0$	13) $a^3 + b^3 \geq ab(a+b), \forall a, b \geq 0$
5) $\frac{1}{a} + \frac{1}{b} \geq \frac{4}{a+b}, \forall a, b > 0$	14) $a^4 + b^4 \geq ab(a^2 + b^2), \forall a, b \geq 0$
6) $(a+b+c)\left(\frac{1}{a} + \frac{1}{b} + \frac{1}{c}\right) \geq 9, \forall a, b, c > 0$	15) $a^5 + b^5 \geq a^2b^2(a+b), \forall a, b \geq 0$
7) $\frac{1}{a} + \frac{1}{b} + \frac{1}{c} \geq \frac{9}{a+b+c}, \forall a, b, c > 0$	16) $a^2 + ab + b^2 \geq \frac{3(a+b)^2}{4}, \forall a, b \in \mathbb{R}$
8) $\frac{a^2 + b^2}{2} \geq \left(\frac{a+b}{2}\right)^2, \forall a, b \in \mathbb{R}.$	17) $\frac{a^2 - ab + b^2}{a^2 + ab + b^2} \geq \frac{1}{3}, \forall a, b \in \mathbb{R}, a^2 + b^2 \neq 0$
9) $\frac{a^3 + b^3}{2} \geq \left(\frac{a+b}{2}\right)^3, \text{ với } \forall a, b \geq 0.$	18) $(1+a)(1+b) \geq (1+\sqrt{ab})^2, \forall a, b \geq 0$
	19) $(1+a)(1+b)(1+c) \geq (1+\sqrt[3]{abc})^3, \forall a, b, c \geq 0$
	20) $\frac{1}{1+a^2} + \frac{1}{1+b^2} \geq \frac{2}{1+ab}, \text{ với } ab \geq 1.$

2. CÁC BÀI TOÁN ÁP DỤNG

Bài 1. Cho $x, y, z > 0$. Chứng minh rằng: $\sqrt{x^2 + xy + y^2} + \sqrt{y^2 + yz + z^2} + \sqrt{z^2 + zx + x^2} \geq \sqrt{3}(x + y + z)$

Giải

♦ Ta luôn có bất đẳng thức: $a^2 + ab + b^2 \geq \frac{3(a+b)^2}{4}, \forall a, b (*)$.

Chuyên đề: Kỹ thuật sử dụng bất đẳng thức phụ để chứng minh bất đẳng thức

Thật vậy (*) $\Leftrightarrow 4a^2 + 4ab + 4b^2 \geq 3(a^2 + 2ab + b^2) \Leftrightarrow a^2 - 2ab + b^2 \geq 0 \Leftrightarrow (a - b)^2 \geq 0$ (luôn đúng).

Dấu "=" xảy ra $\Leftrightarrow a = b$.

♦ Áp dụng (*) ta có: $\sqrt{x^2 + xy + y^2} \geq \sqrt{\frac{3(x+y)^2}{4}} = \frac{\sqrt{3}}{2}(x+y)$

Tương tự ta có: $\sqrt{y^2 + yz + z^2} \geq \frac{\sqrt{3}}{2}(y+z)$ và $\sqrt{z^2 + zx + x^2} \geq \frac{\sqrt{3}}{2}(z+x)$

Cộng vế theo vế các bất đẳng thức trên ta có:

$$\sqrt{x^2 + xy + y^2} + \sqrt{y^2 + yz + z^2} + \sqrt{z^2 + zx + x^2} \geq \frac{\sqrt{3}}{2}(2x + 2y + 2z) = \sqrt{3}(x + y + z), \text{ (đpcm)}$$

Dấu "=" xảy ra $\Leftrightarrow \begin{cases} x = y \\ y = z \Leftrightarrow x = y = z. \\ z = x \end{cases}$

Bài 2. Cho $a, b, c > 0$ thỏa $\frac{1}{a} + \frac{2}{b} + \frac{3}{c} \geq 1$. Chứng minh rằng:

$$\frac{\sqrt{b^2 + 2ab + 4a^2}}{ab} + \frac{\sqrt{4c^2 + 6bc + 9b^2}}{bc} + \frac{\sqrt{9a^2 + 3ac + c^2}}{ca} \geq \sqrt{3}$$

Giải

♦ Ta có $VT = \sqrt{\frac{b^2 + 2ab + 4a^2}{a^2b^2}} + \sqrt{\frac{4c^2 + 6bc + 9b^2}{b^2c^2}} + \sqrt{\frac{9a^2 + 3ac + c^2}{c^2a^2}}$

$$= \sqrt{\frac{1}{a^2} + \frac{2}{ab} + \frac{4}{b^2}} + \sqrt{\frac{4}{b^2} + \frac{6}{bc} + \frac{9}{c^2}} + \sqrt{\frac{9}{c^2} + \frac{3}{ac} + \frac{1}{a^2}}$$

♦ Đặt $x = \frac{1}{a}; y = \frac{2}{b}; z = \frac{3}{c} \Rightarrow x, y, z > 0$. Ta có: $VT = \sqrt{x^2 + xy + y^2} + \sqrt{y^2 + yz + z^2} + \sqrt{z^2 + zx + x^2}$

Theo bài 1 ta có: $\sqrt{x^2 + xy + y^2} + \sqrt{y^2 + yz + z^2} + \sqrt{z^2 + zx + x^2} \geq \sqrt{3}(x + y + z)$

Mặt khác $\sqrt{3}(x + y + z) = \sqrt{3}\left(\frac{1}{a} + \frac{2}{b} + \frac{3}{c}\right) \geq \sqrt{3} \cdot 1 = \sqrt{3}$. Do đó $VT \geq \sqrt{3} = VP$, (đpcm).

Dấu "=" xảy ra $\Leftrightarrow \begin{cases} x = y = z \\ \frac{1}{a} + \frac{2}{b} + \frac{3}{c} = 1 \end{cases} \Leftrightarrow \begin{cases} \frac{1}{a} = \frac{2}{b} = \frac{3}{c} \\ \frac{1}{a} + \frac{2}{b} + \frac{3}{c} = 1 \end{cases} \Leftrightarrow \frac{1}{a} = \frac{2}{b} = \frac{3}{c} = \frac{1}{3} \Leftrightarrow \begin{cases} a = 3 \\ b = 6. \\ c = 9 \end{cases}$

Chuyên đề: Kỹ thuật sử dụng bất đẳng thức phụ để chứng minh bất đẳng thức

Bài 3. Cho $x, y, z > 0$ và $xy + yz + zx = xyz$. Chứng minh rằng: $\frac{\sqrt{y^2 + 2x^2}}{xy} + \frac{\sqrt{z^2 + 2y^2}}{yz} + \frac{\sqrt{x^2 + 2z^2}}{zx} \geq \sqrt{3}$

Giải

♦ Ta luôn có bất đẳng thức: $a^2 + b^2 + c^2 \geq \frac{(a+b+c)^2}{3}, \forall a, b (*)$.

Thật vậy $(*) \Leftrightarrow 3a^2 + 3b^2 + 3c^2 \geq (a^2 + b^2 + c^2 + 2ab + 2bc + 2ca)$

$\Leftrightarrow (a^2 - 2ab + b^2) + (b^2 - 2bc + c^2) + (c^2 - 2ca + a^2) \geq 0 \Leftrightarrow (a-b)^2 + (b-c)^2 + (c-a)^2 \geq 0$ (luôn đúng).

Dấu "=" xảy ra $\Leftrightarrow a = b = c$.

♦ Áp dụng (*) ta có: $\frac{\sqrt{y^2 + 2x^2}}{xy} = \frac{\sqrt{y^2 + x^2 + x^2}}{xy} \geq \frac{\sqrt{(y+x+x)^2}}{3xy} = \frac{1}{\sqrt{3}} \frac{y+2x}{xy} = \frac{1}{\sqrt{3}} \frac{yz+2xz}{xyz}$

Tương tự ta có: $\frac{\sqrt{z^2 + 2y^2}}{yz} \geq \frac{1}{\sqrt{3}} \frac{zx+2yx}{xyz}$ và $\frac{\sqrt{x^2 + 2z^2}}{zx} \geq \frac{1}{\sqrt{3}} \frac{xy+2zy}{xyz}$

Cộng vế theo vế các bất đẳng thức trên ta có:

$$\frac{\sqrt{y^2 + 2x^2}}{xy} + \frac{\sqrt{z^2 + 2y^2}}{yz} + \frac{\sqrt{x^2 + 2z^2}}{zx} \geq \frac{1}{\sqrt{3}} \left(\frac{yz+2xz}{xyz} + \frac{zx+2yx}{xyz} + \frac{xy+2zy}{xyz} \right) = \frac{1}{\sqrt{3}} \cdot \frac{3(xy+yz+zx)}{xyz} = \frac{3xyz}{\sqrt{3} \cdot xyz} = \sqrt{3} \text{ (đpcm)}$$

Dấu "=" xảy ra $\Leftrightarrow \begin{cases} x = y \\ y = z \\ z = x \\ xy + yz + zx = xyz \end{cases} \Leftrightarrow x = y = z = 3$.

Bình luận: Nếu không có giả thiết $xy + yz + zx = xyz$ thì bất đẳng thức trở thành:

$\frac{\sqrt{y^2 + 2x^2}}{xy} + \frac{\sqrt{z^2 + 2y^2}}{yz} + \frac{\sqrt{x^2 + 2z^2}}{zx} \geq \frac{\sqrt{3}(xy + yz + zx)}{xyz}$. Đến đây tùy theo sự sáng tạo của người ra đề ta có nhiều bài toán mới rất thú vị.

1) **Hướng 1:** Rút gọn mẫu ở 2 vế được bất đẳng thức đơn giản.

2) **Hướng 2:** Biến đổi $\frac{\sqrt{3}(xy + yz + zx)}{xyz} = \sqrt{3} \left(\frac{1}{x} + \frac{1}{y} + \frac{1}{z} \right)$.

3) **Hướng 3:** Sử dụng bất đẳng thức phụ $\frac{1}{x} + \frac{1}{y} + \frac{1}{z} \geq \frac{9}{x+y+z}$

4) **Hướng 4:** Cho thêm các điều kiện như $x+y+z \geq 1; xyz \leq 3; \dots$

Bài 4. (Chuyên toán tỉnh Gia Lai 2020) Cho các số dương x, y, z thỏa $\frac{1}{x+y} + \frac{1}{y+z} + \frac{1}{z+x} \geq 2020$.

Tìm giá trị nhỏ nhất của biểu thức: $P = \frac{\sqrt{y^2+2x^2}}{xy} + \frac{\sqrt{z^2+2y^2}}{yz} + \frac{\sqrt{x^2+2z^2}}{zx}$.

Giải

♦ Ta luôn có bất đẳng thức: $a^2 + b^2 + c^2 \geq \frac{(a+b+c)^2}{3}, \forall a, b, c (*)$.

Thật vậy $(*) \Leftrightarrow 3a^2 + 3b^2 + 3c^2 \geq (a^2 + b^2 + c^2 + 2ab + 2bc + 2ca)$

$\Leftrightarrow (a^2 - 2ab + b^2) + (b^2 - 2bc + c^2) + (c^2 - 2ca + a^2) \geq 0 \Leftrightarrow (a-b)^2 + (b-c)^2 + (c-a)^2 \geq 0$ (luôn đúng).

Dấu "=" xảy ra $\Leftrightarrow a = b = c$.

♦ Áp dụng (*) ta có: $y^2 + 2x^2 = y^2 + x^2 + x^2 \geq \frac{(y+x+x)^2}{3} = \frac{(y+2x)^2}{3} \Rightarrow \frac{\sqrt{y^2+2x^2}}{xy} \geq \frac{1}{\sqrt{3}} \frac{y+2x}{xy} = \frac{\sqrt{3}}{3} \left(\frac{1}{x} + \frac{2}{y} \right)$

Chứng minh tương tự ta có: $\frac{\sqrt{z^2+2y^2}}{yz} \geq \frac{\sqrt{3}}{3} \left(\frac{1}{y} + \frac{2}{z} \right)$ và $\frac{\sqrt{x^2+2z^2}}{zx} \geq \frac{\sqrt{3}}{3} \left(\frac{1}{z} + \frac{2}{x} \right)$

$$\Rightarrow P \geq \frac{\sqrt{3}}{3} \left(\frac{1}{x} + \frac{2}{y} + \frac{1}{y} + \frac{2}{z} + \frac{1}{z} + \frac{2}{x} \right)$$

$$\Rightarrow P \geq \frac{\sqrt{3}}{3} \left(\frac{3}{x} + \frac{3}{y} + \frac{3}{z} \right)$$

$$\Rightarrow P \geq \sqrt{3} \left(\frac{1}{x} + \frac{1}{y} + \frac{1}{z} \right) \quad (1)$$

Mặt khác áp dụng bất đẳng thức $\frac{1}{a} + \frac{1}{b} \geq \frac{4}{a+b}$. Hay $\frac{1}{a+b} \leq \frac{1}{4} \left(\frac{1}{a} + \frac{1}{b} \right)$ dấu "=" xảy ra khi $a = b$ ta

$$\text{được } 2020 \leq \frac{1}{x+y} + \frac{1}{y+z} + \frac{1}{z+x} \leq \frac{1}{4} \left(\frac{1}{x} + \frac{1}{y} + \frac{1}{y} + \frac{1}{z} + \frac{1}{z} + \frac{1}{x} \right)$$

$$\Leftrightarrow 2020 \leq \frac{1}{x+y} + \frac{1}{y+z} + \frac{1}{z+x} \leq \frac{1}{2} \left(\frac{1}{x} + \frac{1}{y} + \frac{1}{z} \right) \Leftrightarrow \frac{1}{x} + \frac{1}{y} + \frac{1}{z} \geq 4040 \quad (2)$$

Từ (1) và (2) $\Rightarrow P \geq 4040\sqrt{3}$. Dấu "=" xảy ra khi $x = y = z = \frac{4040}{3}$

Chuyên đề: Kỹ thuật sử dụng bất đẳng thức phụ để chứng minh bất đẳng thức

♦ Vậy giá trị nhỏ nhất của P là $4040\sqrt{3}$, khi $x = y = z = \frac{4040}{3}$.

Bài 5. Cho $x, y, z > 0$. Chứng minh rằng: $(x^3 + y^3 + z^3) \left(\frac{1}{x^3} + \frac{1}{y^3} + \frac{1}{z^3} \right) \geq \frac{3}{2} \left(\frac{y+z}{x} + \frac{z+x}{y} + \frac{x+y}{z} \right)$.

Giải

+) Ta luôn có bất đẳng thức: $a^3 + b^3 \geq ab(a+b), \forall a, b \geq 0$ (*).

Thật vậy (*) $\Leftrightarrow (a+b)(a^2 - ab + b^2) - ab(a+b) \geq 0 \Leftrightarrow (a+b)(a^2 - 2ab + b^2) \geq 0$

$\Leftrightarrow (a+b)(a-b)^2 \geq 0$ (luôn đúng). Dấu "=" xảy ra $\Leftrightarrow a = b$.

+) Áp dụng (*) ta có: ♦ $x^3 + y^3 \geq xy(x+y)$

$$\diamond y^3 + z^3 \geq yz(y+z)$$

$$\diamond z^3 + x^3 \geq zx(z+x)$$

Cộng vế theo vế các bất đẳng thức trên ta có: $2(x^3 + y^3 + z^3) \geq xy(x+y) + yz(y+z) + zx(z+x)$, (**).

+) Áp dụng bất đẳng thức Cauchy ta có: $\frac{1}{x^3} + \frac{1}{y^3} + \frac{1}{z^3} \geq 3\sqrt[3]{\frac{1}{x^3y^3z^3}} \Leftrightarrow \frac{1}{x^3} + \frac{1}{y^3} + \frac{1}{z^3} \geq \frac{3}{xyz}$, (***)

+) Nhân vế theo vế (**) và (***) ta có: $2(x^3 + y^3 + z^3) \left(\frac{1}{x^3} + \frac{1}{y^3} + \frac{1}{z^3} \right) \geq \frac{3}{xyz} [xy(x+y) + yz(y+z) + zx(z+x)]$

$\Leftrightarrow (x^3 + y^3 + z^3) \left(\frac{1}{x^3} + \frac{1}{y^3} + \frac{1}{z^3} \right) \geq \frac{3}{2} \left(\frac{y+z}{x} + \frac{z+x}{y} + \frac{x+y}{z} \right)$, (đpcm).

+) Dấu "=" xảy ra $\Leftrightarrow x = y = z$.

Bài 6. Cho x, y, z là các số thực dương. Chứng minh rằng:

$$\frac{1}{x^3 + y^3 + xyz} + \frac{1}{y^3 + z^3 + xyz} + \frac{1}{z^3 + x^3 + xyz} \leq \frac{1}{xyz}$$

Giải

+) Ta luôn có bất đẳng thức: $a^3 + b^3 \geq ab(a+b), \forall a, b \geq 0$ (*).

Thật vậy (*) $\Leftrightarrow (a+b)(a^2 - ab + b^2) - ab(a+b) \geq 0 \Leftrightarrow (a+b)(a^2 - 2ab + b^2) \geq 0$

$\Leftrightarrow (a+b)(a-b)^2 \geq 0$ (luôn đúng). Dấu "=" xảy ra $\Leftrightarrow a = b = c$.

+) Áp dụng (*) ta có:

Chuyên đề: Kỹ thuật sử dụng bất đẳng thức phụ để chứng minh bất đẳng thức

$$\diamond x^3 + y^3 + xyz \geq xy(x+y) + xyz = xy(x+y+z) \Rightarrow \frac{1}{x^3 + y^3 + xyz} \leq \frac{1}{xy(x+y+z)} = \frac{z}{xyz(x+y+z)}$$

$$\diamond \text{Tương tự ta có: } \frac{1}{y^3 + z^3 + xyz} \leq \frac{x}{xyz(x+y+z)} \text{ và } \frac{1}{z^3 + x^3 + xyz} \leq \frac{y}{xyz(x+y+z)}$$

$$+) \text{ Khi đó } \frac{1}{x^3 + y^3 + xyz} + \frac{1}{y^3 + z^3 + xyz} + \frac{1}{z^3 + x^3 + xyz} \leq \frac{x+y+z}{xyz(x+y+z)} = \frac{1}{xyz}, \text{ (đpcm).}$$

+) Dấu "=" xảy ra $\Leftrightarrow x = y = z$.

Bài 7. Cho x, y, z là các số thực dương thỏa mãn điều kiện $xyz = 1$. Chứng minh rằng:

$$\frac{\sqrt{x^3 + y^3 + 1}}{xy} + \frac{\sqrt{y^3 + z^3 + 1}}{yz} + \frac{\sqrt{z^3 + x^3 + 1}}{zx} \geq 3\sqrt{3}$$

Giải

+) Ta luôn có bất đẳng thức: $a^3 + b^3 \geq ab(a+b), \forall a, b \geq 0$ (*).

$$\text{Thật vậy } (*) \Leftrightarrow (a+b)(a^2 - ab + b^2) - ab(a+b) \geq 0 \Leftrightarrow (a+b)(a^2 - 2ab + b^2) \geq 0$$

$$\Leftrightarrow (a+b)(a-b)^2 \geq 0 \text{ (luôn đúng). Dấu "=" xảy ra } \Leftrightarrow a = b = c.$$

+) Áp dụng (*) ta có:

$$\blacksquare \frac{\sqrt{x^3 + y^3 + 1}}{xy} \geq \frac{\sqrt{xy(x+y)+1}}{xy} = \frac{\sqrt{xy(x+y)+xyz}}{xy} = \frac{\sqrt{xy(x+y+z)}}{xy} = \frac{\sqrt{x+y+z}}{\sqrt{xy}}$$

$$\blacksquare \text{Tương tự ta có: } \frac{\sqrt{y^3 + z^3 + 1}}{yz} \geq \frac{\sqrt{x+y+z}}{\sqrt{yz}} \text{ và } \frac{\sqrt{z^3 + x^3 + 1}}{zx} \geq \frac{\sqrt{x+y+z}}{\sqrt{zx}}$$

+) Cộng vế theo vế các kết quả trên ta có:

$$\frac{\sqrt{x^3 + y^3 + 1}}{xy} + \frac{\sqrt{y^3 + z^3 + 1}}{yz} + \frac{\sqrt{z^3 + x^3 + 1}}{zx} \geq \sqrt{x+y+z} \left(\frac{1}{\sqrt{xy}} + \frac{1}{\sqrt{yz}} + \frac{1}{\sqrt{zx}} \right)$$

+) Mặt khác áp dụng bất đẳng thức Cauchy ta có:

$$\sqrt{x+y+z} \left(\frac{1}{\sqrt{xy}} + \frac{1}{\sqrt{yz}} + \frac{1}{\sqrt{zx}} \right) \geq \sqrt{3\sqrt{xyz}} \cdot \left(3\sqrt{\frac{1}{xyz}} \right) = 3\sqrt{3}, \text{ (đpcm).}$$

+) Dấu "=" xảy ra $\Leftrightarrow x = y = z$.

Chuyên đề: Kỹ thuật sử dụng bất đẳng thức phụ để chứng minh bất đẳng thức

Bài 8. Cho $x, y, z > 0$ và thỏa mãn $\frac{1}{x} + \frac{1}{y} + \frac{1}{z} = 4$. Chứng minh rằng: $\frac{1}{2x+y+z} + \frac{1}{x+2y+z} + \frac{1}{x+y+2z} \leq 1$.

Giải

+) Ta luôn có bất đẳng thức: $\frac{1}{a} + \frac{1}{b} \geq \frac{4}{a+b}$, $\forall a, b > 0$ (*).

Thật vậy (*) $\Leftrightarrow \frac{a+b}{ab} \geq \frac{4}{a+b} \Leftrightarrow (a+b)^2 \geq 4ab \Leftrightarrow a^2 - 2ab + b^2 \geq 0 \Leftrightarrow (a-b)^2 \geq 0$, (luôn đúng).

Dấu "=" xảy ra $\Leftrightarrow a = b$.

+) Áp dụng (*) ta có: $\frac{1}{2x+y+z} = \frac{1}{(x+y)+(x+z)} = \frac{1}{4} \cdot \frac{4}{(x+y)+(x+z)} \leq \frac{1}{4} \left(\frac{1}{x+y} + \frac{1}{x+z} \right)$.

Tiếp tục áp dụng (*) ta có: $\frac{1}{4} \left(\frac{1}{x+y} + \frac{1}{x+z} \right) = \frac{1}{16} \left(\frac{4}{x+y} + \frac{4}{x+z} \right) \leq \frac{1}{16} \left(\frac{1}{x} + \frac{1}{y} + \frac{1}{x} + \frac{1}{z} \right) = \frac{1}{16} \left(\frac{2}{x} + \frac{1}{y} + \frac{1}{z} \right)$

Do đó: $\frac{1}{2x+y+z} \leq \frac{1}{16} \left(\frac{2}{x} + \frac{1}{y} + \frac{1}{z} \right)$. Tương tự ta có: $\frac{1}{x+2y+z} \leq \frac{1}{16} \left(\frac{1}{x} + \frac{2}{y} + \frac{1}{z} \right)$ và $\frac{1}{x+y+2z} \leq \frac{1}{16} \left(\frac{1}{x} + \frac{1}{y} + \frac{2}{z} \right)$

+) Cộng vế theo vế các bất đẳng thức ta có: $\frac{1}{2x+y+z} + \frac{1}{x+2y+z} + \frac{1}{x+y+2z} \leq \frac{1}{16} \left(\frac{4}{x} + \frac{4}{y} + \frac{4}{z} \right)$

$\Leftrightarrow \frac{1}{2x+y+z} + \frac{1}{x+2y+z} + \frac{1}{x+y+2z} \leq \frac{1}{4} \left(\frac{1}{x} + \frac{1}{y} + \frac{1}{z} \right)$, mà theo giả thiết: $\frac{1}{x} + \frac{1}{y} + \frac{1}{z} = 4$. Do đó ta có bất

đẳng thức trở thành: $\Leftrightarrow \frac{1}{2x+y+z} + \frac{1}{x+2y+z} + \frac{1}{x+y+2z} \leq 1$, (đpcm).

Dấu "=" xảy ra $\Leftrightarrow x = y = z$.

Chuyên đề: Kỹ thuật sử dụng bất đẳng thức phụ để chứng minh bất đẳng thức

Bài 9. Cho $x, y, z > 0$. Chứng minh bất đẳng thức: $\frac{4}{x} + \frac{5}{y} + \frac{3}{z} \geq 4 \left(\frac{3}{x+y} + \frac{2}{y+z} + \frac{1}{z+x} \right)$.

Giải

+) Ta luôn có bất đẳng thức: $\frac{1}{a} + \frac{1}{b} \geq \frac{4}{a+b}$, $\forall a, b > 0$ (*).

Thật vậy (*) $\Leftrightarrow \frac{a+b}{ab} \geq \frac{4}{a+b} \Leftrightarrow (a+b)^2 \geq 4ab \Leftrightarrow a^2 - 2ab + b^2 \geq 0 \Leftrightarrow (a-b)^2 \geq 0$, (luôn đúng).

Dấu "=" xảy ra $\Leftrightarrow a = b$.

+) Áp dụng (*) ta có: $\diamond \frac{3}{x+y} = \frac{3}{4} \cdot \frac{4}{x+y} \leq \frac{3}{4} \left(\frac{1}{x} + \frac{1}{y} \right)$

$$\diamond \frac{2}{y+z} = \frac{2}{4} \cdot \frac{4}{y+z} \leq \frac{2}{4} \left(\frac{1}{y} + \frac{1}{z} \right)$$

$$\diamond \frac{1}{z+x} = \frac{1}{4} \cdot \frac{4}{z+x} \leq \frac{1}{4} \left(\frac{1}{z} + \frac{1}{x} \right)$$

Từ các kết quả trên ta có: $4 \left(\frac{3}{x+y} + \frac{2}{y+z} + \frac{1}{z+x} \right) \leq 4 \left[\frac{3}{4} \left(\frac{1}{x} + \frac{1}{y} \right) + \frac{2}{4} \left(\frac{1}{y} + \frac{1}{z} \right) + \frac{1}{4} \left(\frac{1}{z} + \frac{1}{x} \right) \right]$

$\Leftrightarrow 4 \left(\frac{3}{x+y} + \frac{2}{y+z} + \frac{1}{z+x} \right) \leq \frac{4}{x} + \frac{5}{y} + \frac{3}{z}$, (đpcm).

Dấu "=" xảy ra $\Leftrightarrow x = y = z$.

Bài 10. (Chuyên toán tỉnh Bình Phước 2020)

a) Cho $a, b > 0$. Chứng minh rằng: $\sqrt{a^2 - ab + 3b^2 + 1} \geq \frac{1}{4}(a + 5b + 2)$.

b) Cho các số thực dương a, b, c thỏa mãn $\frac{1}{a} + \frac{1}{b} + \frac{1}{c} \leq 3$. Tìm giá trị lớn nhất của biểu thức:

$$P = \frac{1}{\sqrt{a^2 - ab + 3b^2 + 1}} + \frac{1}{\sqrt{b^2 - bc + 3c^2 + 1}} + \frac{1}{\sqrt{c^2 - ca + 3a^2 + 1}}$$

Giải

a) Cho $a, b > 0$. Chứng minh rằng: $\sqrt{a^2 - ab + 3b^2 + 1} \geq \frac{1}{4}(a + 5b + 2)$, (*).

Ta có (*) $\Leftrightarrow 16(a^2 - ab + 3b^2 + 1) \geq (a + 5b + 2)^2 \Leftrightarrow 15a^2 + 23b^2 - 26ab - 4a - 20b + 12 \geq 0$.

Chuyên đề: Kỹ thuật sử dụng bất đẳng thức phụ để chứng minh bất đẳng thức

$$\Leftrightarrow 13(a-b)^2 + 10(b-1)^2 + 2(a-1)^2 \geq 0 \text{ (luôn đúng)}.$$

Dấu "=" xảy ra $\Leftrightarrow a=b=1$.

b) Cho các số thực dương a, b, c thỏa mãn $\frac{1}{a} + \frac{1}{b} + \frac{1}{c} \leq 3$. Tìm giá trị lớn nhất của biểu thức:

$$P = \frac{1}{\sqrt{a^2 - ab + 3b^2 + 1}} + \frac{1}{\sqrt{b^2 - bc + 3c^2 + 1}} + \frac{1}{\sqrt{c^2 - ca + 3a^2 + 1}}$$

♦ Áp dụng bất đẳng thức (*) ta có: $P \leq \frac{4}{a+5b+2} + \frac{4}{b+5c+2} + \frac{4}{c+5a+2}$

♦ Ta luôn có bất đẳng thức: $\frac{1}{x} + \frac{1}{y} \geq \frac{4}{x+y}, \forall x, y > 0$ (**).

Thật vậy (**) $\Leftrightarrow \frac{x+y}{xy} \geq \frac{4}{x+y} \Leftrightarrow (x+y)^2 \geq 4xy \Leftrightarrow x^2 - 2xy + y^2 \geq 0 \Leftrightarrow (x-y)^2 \geq 0$, (luôn đúng).

Dấu "=" xảy ra $\Leftrightarrow x=y$.

Áp dụng bất đẳng thức (**) ta có:

$$\frac{4}{a+5b+2} \leq \frac{1}{a+b+2} + \frac{1}{4b} \quad (1)$$

$$\frac{4}{b+5c+2} \leq \frac{1}{b+c+2} + \frac{1}{4c} \quad (2)$$

$$\frac{4}{c+5a+2} \leq \frac{1}{c+a+2} + \frac{1}{4a} \quad (3)$$

Từ (1), (2), (3) ta có: $P \leq \left(\frac{1}{a+b+2} + \frac{1}{b+c+2} + \frac{1}{c+a+2} \right) + \frac{1}{4} \left(\frac{1}{a} + \frac{1}{b} + \frac{1}{c} \right)$ (***)

Tiếp tục áp dụng bất đẳng thức (**) ta có:

$$\frac{1}{a+b+2} \leq \frac{1}{4} \left(\frac{1}{a+b} + \frac{1}{2} \right) \leq \frac{1}{4} \left[\frac{1}{4} \left(\frac{1}{a} + \frac{1}{b} \right) + \frac{1}{2} \right] \quad (4)$$

$$\frac{1}{b+c+2} \leq \frac{1}{4} \left(\frac{1}{b+c} + \frac{1}{2} \right) \leq \frac{1}{4} \left[\frac{1}{4} \left(\frac{1}{b} + \frac{1}{c} \right) + \frac{1}{2} \right] \quad (5)$$

$$\frac{1}{c+a+2} \leq \frac{1}{4} \left(\frac{1}{c+a} + \frac{1}{2} \right) \leq \frac{1}{4} \left[\frac{1}{4} \left(\frac{1}{c} + \frac{1}{a} \right) + \frac{1}{2} \right] \quad (6)$$

Từ (***), (4), (5), (6) ta được: $P \leq \frac{3}{8} \left(\frac{1}{a} + \frac{1}{b} + \frac{1}{c} \right) + \frac{3}{8} \leq \frac{3}{8} \cdot 3 + \frac{3}{8} = \frac{3}{2}$.

Chuyên đề: Kỹ thuật sử dụng bất đẳng thức phụ để chứng minh bất đẳng thức

Vậy giá trị lớn nhất của P là $\frac{3}{2}$ đạt được khi $a=b=c=1$.

Bài 11. (Olympic 19-5 tỉnh Bình Phước năm 2016)

Cho các số dương a, b, c . Tìm giá trị nhỏ nhất của biểu thức $P = \frac{3(b+c)}{2a} + \frac{4a+3c}{3b} + \frac{12(b-c)}{2a+3c}$.

Giải

♦ Ta luôn có bất đẳng thức: $\frac{1}{x} + \frac{1}{y} \geq \frac{4}{x+y}, \forall x, y > 0$ (*).

Thật vậy (**): $\frac{x+y}{xy} \geq \frac{4}{x+y} \Leftrightarrow (x+y)^2 \geq 4xy \Leftrightarrow x^2 - 2xy + y^2 \geq 0 \Leftrightarrow (x-y)^2 \geq 0$, (luôn đúng).

Dấu "=" xảy ra $\Leftrightarrow x = y$.

$$\begin{aligned} \text{♦ Ta có: } P + 11 &= \left(\frac{3b+3c}{2a} + 2 \right) + \left(\frac{4a+3c}{3b} + 1 \right) + \left(\frac{12b-12c}{2a+3c} + 8 \right) \\ &= (4a+3b+3c) \left(\frac{1}{2a} + \frac{1}{3b} + \frac{4}{2a+3c} \right) \end{aligned}$$

♦ Áp dụng (*) ta có: $P + 11 \geq (4a+3b+3c) \left(\frac{4}{2a+3b} + \frac{4}{2a+3c} \right) \geq (4a+3b+3c) \frac{16}{4a+3b+3c} = 16$

Vậy P nhỏ nhất bằng 5, dấu bằng xảy ra chẳng hạn $(a, b, c) = \left(\frac{3}{2}, 1, 1 \right)$.

Bài 12. (Olympic 19-5 tỉnh Bình Phước năm 2017)

Cho các số dương a, b, c thỏa mãn $abc=1$. Tìm giá trị nhỏ nhất của

$$P = \frac{a^3+b^3}{a^2+ab+b^2} + \frac{b^3+c^3}{b^2+bc+c^2} + \frac{c^3+a^3}{c^2+ca+a^2}.$$

Giải

♦ Ta luôn có bất đẳng thức: $\frac{x^2-xy+y^2}{x^2+xy+y^2} \geq \frac{1}{3}, \forall x, y, z > 0$ (*).

Thật vậy (*): $\frac{x^2-xy+y^2}{x^2+xy+y^2} \geq \frac{1}{3} \Leftrightarrow 3(x^2-xy+y^2) \geq x^2+xy+y^2 \Leftrightarrow 2(x-y)^2 \geq 0$, (luôn đúng).

Dấu "=" xảy ra $\Leftrightarrow x = y$.

Chuyên đề: Kỹ thuật sử dụng bất đẳng thức phụ để chứng minh bất đẳng thức

♦ Áp dụng (*) ta có: $\frac{a^3+b^3}{a^2+ab+b^2} = (a+b)\frac{a^2-ab+b^2}{a^2+ab+b^2} \geq \frac{1}{3}(a+b)$.

Tương tự ta có: $\frac{b^3+c^3}{b^2+bc+c^2} \geq \frac{1}{3}(b+c)$ và $\frac{c^3+a^3}{c^2+ca+a^2} \geq \frac{1}{3}(c+a)$.

Từ các kết quả trên ta có: $P = \frac{a^3+b^3}{a^2+ab+b^2} + \frac{b^3+c^3}{b^2+bc+c^2} + \frac{c^3+a^3}{c^2+ca+a^2} \geq \frac{2}{3}(a+b+c)$.

Mặt khác áp dụng bất đẳng thức Cauchy ta có: $\frac{2}{3}(a+b+c) \geq \frac{2}{3} \cdot 3\sqrt[3]{abc} = \frac{2}{3} \cdot 3\sqrt[3]{1} = 2 \Rightarrow P \geq 2$.

Dấu "=" xảy ra $\Leftrightarrow \begin{cases} a=b=c \\ abc=1 \end{cases} \Leftrightarrow a=b=c=1$.

Vậy $\min P = 2$ khi $(a, b, c) = (1, 1, 1)$.

Bài 13. (Chuyên toán Hưng Yên 2020) Cho a, b là các số dương thỏa mãn điều kiện $ab \leq 1$.

Chứng minh rằng: $\frac{1}{1+a} + \frac{1}{1+b} + 2020ab \leq 2021$.

Giải

♦ Ta luôn có bất đẳng thức: $\frac{1}{1+a} + \frac{1}{1+b} \leq \frac{2}{1+\sqrt{ab}}$, (*).

Thật vậy (*) $\Leftrightarrow \frac{2+a+b}{(1+a)(1+b)} \leq \frac{2}{1+\sqrt{ab}} \Leftrightarrow (2+a+b)(1+\sqrt{ab}) \leq 2(1+a)(1+b)$

$$\Leftrightarrow 2+2\sqrt{ab}+a+a\sqrt{ab}+b+b\sqrt{ab} \leq 2+2a+2b+2ab$$

$$\Leftrightarrow (2\sqrt{ab}-2ab) + (a\sqrt{ab}-a) + (b\sqrt{ab}-b) \leq 0$$

$$\Leftrightarrow (\sqrt{a}-\sqrt{b})^2(\sqrt{ab}-1) \leq 0 \text{ (luôn đúng vì } a, b > 0; ab \leq 1).$$

♦ Áp dụng (*) ta có: $\Rightarrow \frac{1}{1+a} + \frac{1}{1+b} + 2020ab \leq \frac{2}{1+\sqrt{ab}} + 2020ab$

Đặt $\sqrt{ab} = t$ ($0 < t \leq 1$). Ta cần chứng minh $\frac{2}{1+t} + 2020t^2 \leq 2021$

$$\Leftrightarrow (t-1)(2020t^2 + 4040t + 2019) \leq 0 \text{ (luôn đúng)}$$

Dấu "=" xảy ra khi $t=1$ hay $a=b=1$.

BÀI TẬP ÁP DỤNG

Bài 14. Cho $a, b, c > 0$. Chứng minh bất đẳng thức sau: $\frac{1}{a} + \frac{1}{b} + \frac{1}{c} \geq 3 \left(\frac{1}{a+2b} + \frac{1}{b+2c} + \frac{1}{c+2a} \right)$

Bài 15. Cho $a, b, c > 0$ thỏa $abc \leq 1$. Tìm giá trị nhỏ nhất của $P = \frac{bc}{a^2b+a^2c} + \frac{ac}{b^2a+b^2c} + \frac{ab}{c^2a+c^2b}$.

Bài 16. (Chuyên toán Ninh Bình 2020) Cho 3 số dương a, b, c thỏa mãn:

$$\sqrt{a^2+b^2} + \sqrt{b^2+c^2} + \sqrt{c^2+a^2} = 2021. \text{ Chứng minh rằng: } \frac{a^2}{b+c} + \frac{b^2}{a+c} + \frac{c^2}{a+b} \geq \frac{1}{2} \sqrt{\frac{2021}{2}}.$$

Bài 17. (Chuyên toán Hải Phòng 2020) Cho ba số dương x, y, z thỏa mãn: $xy + yz + zx = 5$.

$$\text{Chứng minh } \frac{x}{\sqrt{x^2+5}} + \frac{y}{\sqrt{y^2+5}} + \frac{3z}{\sqrt{6(z^2+5)}} \leq \frac{2\sqrt{6}}{3}.$$

Bài 18. (Chuyên toán Phú Thọ 2020)

$$\text{Cho } x, y, z > 0. \text{ Chứng minh bất đẳng thức } \frac{\sqrt{xy}}{1+\sqrt{yz}} + \frac{1}{\sqrt{xy}+\sqrt{yz}} + \sqrt{\frac{2\sqrt{yz}}{1+\sqrt{xy}}} \geq 2.$$

Bài 19. (Chuyên toán Bà Rịa Vũng Tàu) Với các số thực dương a và b thay đổi, hãy tìm giá trị lớn nhất

$$\text{của biểu thức: } S = (a+b) \left(\frac{1}{\sqrt{a^2-ab+2b^2}} + \frac{1}{\sqrt{b^2-ab+2a^2}} \right).$$

Bài 20. (Chuyên toán Đồng Nai)

$$\text{Cho } -\frac{1}{3} < a, b, c \in \mathbb{R}. \text{ Chứng minh } \frac{1+a^2}{1+3b+c^2} + \frac{1+b^2}{1+3c+a^2} + \frac{1+c^2}{1+3a+b^2} \geq \frac{6}{5}.$$

Chuyên đề: Kỹ thuật sử dụng bất đẳng thức phụ để chứng minh bất đẳng thức

Bài 21. Cho các số thực dương a, b, c . Chứng minh rằng: $\frac{ab}{a+b+2c} + \frac{bc}{b+c+2a} + \frac{ca}{c+a+2b} \leq \frac{1}{4}(a+b+c)$

Bài 22. Cho các số dương a, b, c thỏa mãn: $abc \geq 1$. Chứng minh rằng:

$$\frac{a}{\sqrt{b+\sqrt{ac}}} + \frac{b}{\sqrt{c+\sqrt{ab}}} + \frac{c}{\sqrt{a+\sqrt{bc}}} \geq \frac{3}{\sqrt{2}}$$

Bài 23. Cho các số dương a, b, c thỏa mãn $\frac{1}{a} + \frac{1}{b} + \frac{1}{c} \leq 3$. Tìm giá trị nhỏ nhất của biểu thức:

$$P = \frac{1}{\sqrt{a^2 - ab + 3b^2 + 1}} + \frac{1}{\sqrt{b^2 - bc + 3c^2 + 1}} + \frac{1}{\sqrt{c^2 - ca + 3a^2 + 1}}$$

Bài 24. Cho ba số thực dương a, b, c . Chứng minh rằng

$$\frac{a^2 + b^2}{a+b} + \frac{b^2 + c^2}{b+c} + \frac{c^2 + a^2}{c+a} \leq \frac{3(a^2 + b^2 + c^2)}{a+b+c}$$

Bài 25. Cho x, y, z là các số thực dương. Chứng minh rằng

$$\frac{x^2}{\sqrt{8x^2 + 3y^2 + 14xy}} + \frac{y^2}{\sqrt{8y^2 + 3z^2 + 14yz}} + \frac{z^2}{\sqrt{8z^2 + 3x^2 + 14xz}} \leq \frac{x+y+z}{5}$$

Bài 26. Cho các số thực dương a, b, c thỏa mãn $a+b+c \leq 3$. Tìm giá trị nhỏ nhất của biểu thức:

$$M = \frac{a^2 + 4a + 1}{a^2 + a} + \frac{b^2 + 4b + 1}{b^2 + b} + \frac{c^2 + 4c + 1}{c^2 + c}$$

Bài 27. Cho các số thực a, b, c . Chứng minh rằng: $\frac{a^3 + b^3}{ab(a^2 + b^2)} + \frac{b^3 + c^3}{bc(b^2 + c^2)} + \frac{c^3 + a^3}{ac(c^2 + a^2)} \geq \frac{1}{a} + \frac{1}{b} + \frac{1}{c}$

Bài 28. Cho $a, b, c > 0$ thỏa mãn $abc = 1$. Chứng minh rằng: $\frac{ab}{a^5 + b^5 + ab} + \frac{bc}{b^5 + c^5 + bc} + \frac{ca}{c^5 + a^5 + ca} \leq 1$.

Bài 29. Cho $x, y, z > 0$ thỏa $xy + yz + zx = 3xyz$. Chứng minh rằng: $\frac{x^3}{z+x^2} + \frac{y^3}{x+y^2} + \frac{z^3}{y+z^2} \geq \frac{1}{2} \left(\frac{1}{x} + \frac{1}{y} + \frac{1}{z} \right)$.

Chuyên đề: Kỹ thuật sử dụng bất đẳng thức phụ để chứng minh bất đẳng thức

Bài 30. Với a, b, c là các số thực dương thỏa mãn: $ab + bc + ca + abc = 2$. Tìm giá trị lớn nhất của biểu

thức: $M = \frac{a+1}{a^2+2a+2} + \frac{b+1}{b^2+2b+2} + \frac{c+1}{c^2+2c+2}$.

Bài 31. Cho x, y, z là 3 số dương thỏa mãn $x^2 + y^2 + z^2 = 3xyz$. Chứng minh: $\frac{x^2}{y+2} + \frac{y^2}{z+2} + \frac{z^2}{x+2} \geq 1$.

Bài 32. Cho a, b, c dương và thỏa mãn $xy + yz + zx = 1$. Tìm giá trị nhỏ nhất của biểu thức:

$$P = \frac{1}{4x^2 - yz + 2} + \frac{1}{4y^2 - zx + 2} + \frac{1}{4z^2 - xy + 2}$$

Hết

KỸ THUẬT SỬ DỤNG BẤT ĐẲNG THỨC PHỤ TRONG CHỨNG MINH BẤT ĐẲNG THỨC

GIÁO VIÊN: TH.S PHẠM VĂN QUÝ – 0943.911.606

1. MỘT SỐ BẤT ĐẲNG THỨC PHỤ THƯỜNG SỬ DỤNG

1) $a^2 + b^2 + c^2 \geq ab + bc + ca, \forall a, b, c \in R.$	10) $\frac{a^n + b^n}{2} \geq \left(\frac{a+b}{2}\right)^n, \text{ với } \forall a, b \geq 0, n \in N^*.$
2) $ab \leq \left(\frac{a+b}{2}\right)^2, \forall a, b \geq 0$	11) $a^2 + b^2 + c^2 \geq \frac{(a+b+c)^2}{3}, \forall a, b \in R.$
3) $a.b.c \leq \left(\frac{a+b+c}{3}\right)^3, \forall a, b \geq 0$	12) $(a+b+c)^2 \geq 3(ab+bc+ca), \forall a, b \in R$
4) $(a+b)\left(\frac{1}{a} + \frac{1}{b}\right) \geq 4, \forall a, b > 0$	13) $a^3 + b^3 \geq ab(a+b), \forall a, b \geq 0$
5) $\frac{1}{a} + \frac{1}{b} \geq \frac{4}{a+b}, \forall a, b > 0$	14) $a^4 + b^4 \geq ab(a^2 + b^2), \forall a, b \geq 0$
6) $(a+b+c)\left(\frac{1}{a} + \frac{1}{b} + \frac{1}{c}\right) \geq 9, \forall a, b, c > 0$	15) $a^5 + b^5 \geq a^2b^2(a+b), \forall a, b \geq 0$
7) $\frac{1}{a} + \frac{1}{b} + \frac{1}{c} \geq \frac{9}{a+b+c}, \forall a, b > 0$	16) $a^2 + ab + b^2 \geq \frac{3(a+b)^2}{4}, \forall a, b \in R$
8) $\frac{a^2 + b^2}{2} \geq \left(\frac{a+b}{2}\right)^2, \forall a, b \in R..$	17) $\frac{a^2 - ab + b^2}{a^2 + ab + b^2} \geq \frac{1}{3}, \forall a, b \in R, a^2 + b^2 \neq 0$
9) $\frac{a^3 + b^3}{2} \geq \left(\frac{a+b}{2}\right)^3, \text{ với } \forall a, b \geq 0.$	18) $(1+a)(1+b) \geq (1+\sqrt{ab})^2, \forall a, b \geq 0$
	19) $(1+a)(1+b)(1+c) \geq (1+\sqrt[3]{abc})^3, \forall a, b, c \geq 0$
	20) $\frac{1}{1+a^2} + \frac{1}{1+b^2} \geq \frac{2}{1+ab}, \text{ với } ab \geq 1.$

2. CÁC BÀI TOÁN ÁP DỤNG

Bài 1. Cho $x, y, z > 0$. Chứng minh rằng: $\sqrt{x^2 + xy + y^2} + \sqrt{y^2 + yz + z^2} + \sqrt{z^2 + zx + x^2} \geq \sqrt{3}(x + y + z)$

Bài 2. Cho $a, b, c > 0$ thỏa $\frac{1}{a} + \frac{2}{b} + \frac{3}{c} \geq 1$. Chứng minh rằng:

$$\frac{\sqrt{b^2 + 2ab + 4a^2}}{ab} + \frac{\sqrt{4c^2 + 6bc + 9b^2}}{bc} + \frac{\sqrt{9a^2 + 3ac + c^2}}{ca} \geq \sqrt{3}$$

Bài 3. Cho $x, y, z > 0$ và $xy + yz + zx = xyz$. Chứng minh rằng: $\frac{\sqrt{y^2 + 2x^2}}{xy} + \frac{\sqrt{z^2 + 2y^2}}{yz} + \frac{\sqrt{x^2 + 2z^2}}{zx} \geq \sqrt{3}$

Bài 4. (Chuyên toán tỉnh Gia Lai 2020) Cho các số dương x, y, z thỏa $\frac{1}{x+y} + \frac{1}{y+z} + \frac{1}{z+x} \geq 2020$. Tìm

giá trị nhỏ nhất của biểu thức: $P = \frac{\sqrt{y^2 + 2x^2}}{xy} + \frac{\sqrt{z^2 + 2y^2}}{yz} + \frac{\sqrt{x^2 + 2z^2}}{zx}$.

Bài 5. Cho $x, y, z > 0$. Chứng minh rằng: $(x^3 + y^3 + z^3) \left(\frac{1}{x^3} + \frac{1}{y^3} + \frac{1}{z^3} \right) \geq \frac{3}{2} \left(\frac{y+z}{x} + \frac{z+x}{y} + \frac{x+y}{z} \right)$.

Bài 6. Cho x, y, z là các số thực dương. Chứng minh rằng:

$$\frac{1}{x^3 + y^3 + xyz} + \frac{1}{y^3 + z^3 + xyz} + \frac{1}{z^3 + x^3 + xyz} \leq \frac{1}{xyz}$$

Bài 7. Cho x, y, z là các số thực dương thỏa mãn điều kiện $xyz = 1$. Chứng minh rằng:

$$\frac{\sqrt{x^3 + y^3 + 1}}{xy} + \frac{\sqrt{y^3 + z^3 + 1}}{yz} + \frac{\sqrt{z^3 + x^3 + 1}}{zx} \geq 3\sqrt{3}$$

Bài 8. Cho $x, y, z > 0$ và thỏa mãn $\frac{1}{x} + \frac{1}{y} + \frac{1}{z} = 4$. Chứng minh rằng: $\frac{1}{2x+y+z} + \frac{1}{x+2y+z} + \frac{1}{x+y+2z} \leq 1$.

Bài 9. Cho $x, y, z > 0$. Chứng minh bất đẳng thức: $\frac{4}{x} + \frac{5}{y} + \frac{3}{z} \geq 4 \left(\frac{3}{x+y} + \frac{2}{y+z} + \frac{1}{z+x} \right)$.

Bài 10. (Chuyên toán tỉnh Bình Phước 2020)

a) Cho $a, b > 0$. Chứng minh rằng: $\sqrt{a^2 - ab + 3b^2 + 1} \geq \frac{1}{4}(a + 5b + 2)$.

b) Cho các số thực dương a, b, c thỏa mãn $\frac{1}{a} + \frac{1}{b} + \frac{1}{c} \leq 3$. Tìm giá trị lớn nhất của biểu thức:

Chuyên đề: Kỹ thuật sử dụng bất đẳng thức phụ để chứng minh bất đẳng thức

$$P = \frac{1}{\sqrt{a^2 - ab + 3b^2 + 1}} + \frac{1}{\sqrt{b^2 - bc + 3c^2 + 1}} + \frac{1}{\sqrt{c^2 - ca + 3a^2 + 1}}$$

Bài 11. (Olympic 19-5 tỉnh Bình Phước năm 2016) Cho các số dương a, b, c . Tìm giá trị nhỏ nhất của biểu thức $P = \frac{3(b+c)}{2a} + \frac{4a+3c}{3b} + \frac{12(b-c)}{2a+3c}$.

Bài 12. (Olympic 19-5 tỉnh Bình Phước năm 2017) Cho các số dương a, b, c thỏa mãn $abc = 1$. Tìm giá trị nhỏ nhất của $P = \frac{a^3 + b^3}{a^2 + ab + b^2} + \frac{b^3 + c^3}{b^2 + bc + c^2} + \frac{c^3 + a^3}{c^2 + ca + a^2}$.

Bài 13. (Chuyên toán Hưng Yên 2020) Cho a, b là các số dương thỏa mãn điều kiện $ab \leq 1$.

Chứng minh rằng: $\frac{1}{1+a} + \frac{1}{1+b} + 2020ab \leq 2021$.

Bài 14. Cho $a, b, c > 0$. Chứng minh bất đẳng thức sau: $\frac{1}{a} + \frac{1}{b} + \frac{1}{c} \geq 3 \left(\frac{1}{a+2b} + \frac{1}{b+2c} + \frac{1}{c+2a} \right)$

Bài 15. Cho $a, b, c > 0$ thỏa $abc \leq 1$. Tìm giá trị nhỏ nhất của $P = \frac{bc}{a^2b + a^2c} + \frac{ac}{b^2a + b^2c} + \frac{ab}{c^2a + c^2b}$.

Bài 16. (Chuyên toán Ninh Bình 2020) Cho 3 số dương a, b, c thỏa mãn:

$\sqrt{a^2 + b^2} + \sqrt{b^2 + c^2} + \sqrt{c^2 + a^2} = 2021$. Chứng minh rằng: $\frac{a^2}{b+c} + \frac{b^2}{a+c} + \frac{c^2}{a+b} \geq \frac{1}{2} \sqrt{\frac{2021}{2}}$.

Bài 17. (Chuyên toán Hải Phòng 2020) Cho ba số dương x, y, z thỏa mãn: $xy + yz + zx = 5$.

Chứng minh $\frac{x}{\sqrt{x^2 + 5}} + \frac{y}{\sqrt{y^2 + 5}} + \frac{3z}{\sqrt{6(z^2 + 5)}} \leq \frac{2\sqrt{6}}{3}$.

Bài 18. (Chuyên toán Phú Thọ 2020) Cho $x, y, z > 0$. Chứng minh bất đẳng thức:

$$\frac{\sqrt{xy}}{1 + \sqrt{yz}} + \frac{1}{\sqrt{xy} + \sqrt{yz}} + \sqrt{\frac{2\sqrt{yz}}{1 + \sqrt{xy}}} \geq 2.$$

Bài 19. (Chuyên toán Bà Rịa Vũng Tàu) Với các số thực dương a và b thay đổi, hãy tìm giá trị lớn nhất của biểu thức: $S = (a+b) \left(\frac{1}{\sqrt{a^2 - ab + 2b^2}} + \frac{1}{\sqrt{b^2 - ab + 2a^2}} \right)$.

Bài 20. (Chuyên toán Đồng Nai) Cho $-\frac{1}{3} < a, b, c \in \mathbb{R}$. Chứng minh: $\frac{1+a^2}{1+3b+c^2} + \frac{1+b^2}{1+3c+a^2} + \frac{1+c^2}{1+3a+b^2} \geq \frac{6}{5}$

Bài 21. Cho các số thực dương a, b, c . Chứng minh rằng: $\frac{ab}{a+b+2c} + \frac{bc}{b+c+2a} + \frac{ca}{c+a+2b} \leq \frac{1}{4}(a+b+c)$

Chuyên đề: Kỹ thuật sử dụng bất đẳng thức phụ để chứng minh bất đẳng thức

Bài 22. Cho các số dương a, b, c thỏa mãn: $abc \geq 1$. Chứng minh rằng:

$$\frac{a}{\sqrt{b+\sqrt{ac}}} + \frac{b}{\sqrt{c+\sqrt{ab}}} + \frac{c}{\sqrt{a+\sqrt{bc}}} \geq \frac{3}{\sqrt{2}}$$

Bài 23. Cho các số dương a, b, c thỏa mãn $\frac{1}{a} + \frac{1}{b} + \frac{1}{c} \leq 3$. Tìm giá trị nhỏ nhất của biểu thức:

$$P = \frac{1}{\sqrt{a^2 - ab + 3b^2 + 1}} + \frac{1}{\sqrt{b^2 - bc + 3c^2 + 1}} + \frac{1}{\sqrt{c^2 - ca + 3a^2 + 1}}$$

Bài 24. Cho ba số thực dương a, b, c . Chứng minh rằng:

$$\frac{a^2 + b^2}{a+b} + \frac{b^2 + c^2}{b+c} + \frac{c^2 + a^2}{c+a} \leq \frac{3(a^2 + b^2 + c^2)}{a+b+c}$$

Bài 25. Cho x, y, z là các số thực dương. Chứng minh rằng:

$$\frac{x^2}{\sqrt{8x^2 + 3y^2 + 14xy}} + \frac{y^2}{\sqrt{8y^2 + 3z^2 + 14yz}} + \frac{z^2}{\sqrt{8z^2 + 3x^2 + 14xz}} \leq \frac{x+y+z}{5}$$

Bài 26. Cho các số thực dương a, b, c thỏa mãn $a+b+c \leq 3$. Tìm giá trị nhỏ nhất của biểu thức:

$$M = \frac{a^2 + 4a + 1}{a^2 + a} + \frac{b^2 + 4b + 1}{b^2 + b} + \frac{c^2 + 4c + 1}{c^2 + c}$$

Bài 27. Cho các số thực a, b, c . Chứng minh rằng: $\frac{a^3 + b^3}{ab(a^2 + b^2)} + \frac{b^3 + c^3}{bc(b^2 + c^2)} + \frac{c^3 + a^3}{ac(c^2 + a^2)} \geq \frac{1}{a} + \frac{1}{b} + \frac{1}{c}$

Bài 28. Cho $a, b, c > 0$ thỏa mãn $abc = 1$. Chứng minh rằng: $\frac{ab}{a^5 + b^5 + ab} + \frac{bc}{b^5 + c^5 + bc} + \frac{ca}{c^5 + a^5 + ca} \leq 1$.

Bài 29. Cho $x, y, z > 0$ thỏa $xy + yz + zx = 3xyz$. Chứng minh rằng: $\frac{x^3}{z+x^2} + \frac{y^3}{x+y^2} + \frac{z^3}{y+z^2} \geq \frac{1}{2} \cdot \left(\frac{1}{x} + \frac{1}{y} + \frac{1}{z} \right)$.

Bài 30. Với a, b, c là các số thực dương thỏa mãn: $ab + bc + ca + abc = 2$. Tìm giá trị lớn nhất của biểu

thức: $M = \frac{a+1}{a^2+2a+2} + \frac{b+1}{b^2+2b+2} + \frac{c+1}{c^2+2c+2}$.

Bài 31. Cho x, y, z là 3 số dương thỏa mãn $x^2 + y^2 + z^2 = 3xyz$. Chứng minh: $\frac{x^2}{y+2} + \frac{y^2}{z+2} + \frac{z^2}{x+2} \geq 1$.

Bài 32. Cho a, b, c dương và thỏa mãn $xy + yz + zx = 1$. Tìm giá trị nhỏ nhất của biểu thức:

$$P = \frac{1}{4x^2 - yz + 2} + \frac{1}{4y^2 - zx + 2} + \frac{1}{4z^2 - xy + 2}$$

Hết